

Bản án số: 09/2025/KDTM-ST
Ngày 13/8/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trần Xuân Hương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Cúc

Ông Ngô Thanh Xuân

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông Vũ Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 13/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 57/2024/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2024, về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-KDTM ngày 08/7/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 18/2025/QĐST-KDTM ngày 28/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Cung ứng nhựa đ

Trụ sở: Tầng 14 Khối Văn phòng Lancaster L, số 1152 Đường L, phường Láng T, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội (Nay là Tầng 14 Khối Văn phòng Lancaster L, số 1152 Đường L, phường L, thành phố Hà Nội)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Christophe V - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Mai P, ông Trương Trung T (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L

Trụ sở: Tầng L, toà nhà HTK số 92 – 94 – 96 – 98 Nguyễn Văn C, phường Bồ Đ, quận Long B, thành phố Hà Nội (Nay là Tầng L, toà nhà HTK số 92 – 94 – 96 – 98 Nguyễn Văn C, phường Bồ Đ, thành phố Hà Nội)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn S - Giám đốc (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2024, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện:

Ngày 17/05/2022, công ty TNHH Cung ứng nhựa đ (gọi tắt là A) và công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L (gọi tắt là công ty Lan L) ký kết Hợp đồng mua bán nhựa đường/nhũ tương nhựa đường số 050/ADC-LL/CLD (“**Hợp Đồng 050**”) để thực hiện việc mua bán nhựa đường và nhũ tương nhựa đường. Theo đó:

- Về đơn giá nhựa đường và nhũ tương nhựa đường:

Đơn giá nhựa đường và nhũ tương được hai bên thỏa thuận bằng phụ lục Hợp đồng 050 trước khi giao nhận hàng.

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng 050, nếu có sự thay đổi về giá nhập khẩu nhựa đường hoặc các chi phí liên quan đến sản xuất kinh doanh thì A sẽ thông báo cho công ty Lan L và hai bên sẽ cùng đàm phán và thỏa thuận điều chỉnh giá bằng một Phụ lục hợp đồng mới. Trường hợp giá mới không được công ty Lan L chấp nhận thì A sẽ ngừng cấp hàng cho công ty Lan L. Công ty Lan L có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho A tiền nợ mua hàng theo quy định tại Hợp đồng 050 và hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định.

Về việc thanh toán:

Công ty Lan L có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho A toàn bộ tiền gốc và lãi nợ quá hạn theo quy định của Hợp đồng 050.

Công ty Lan L có trách nhiệm thanh toán cho A trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Quá thời hạn thanh toán nêu trên, công ty Lan L sẽ phải thanh toán cho A theo mức lãi suất nợ quá thời hạn tín dụng là 1,2%/tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán cho tới ngày công ty Lan L thanh toán đầy đủ các khoản nợ.

Trong quá trình hợp tác, A và công ty Lan L đã ký các Phụ lục khác kèm theo Hợp Đồng 050 quy định về đơn giá của như sau:

- Ngày 17/05/2022, A và công ty Lan L đã ký phụ lục 01 quy định đơn giá nhựa đường đặc nóng 60/70 (chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng), có hiệu lực kể từ ngày 17/05/2022 đến khi có thông báo mới là **14.680.000** đồng/tấn;

- Ngày 10/06/2022, A và công ty Lan L đã ký phụ lục 02 để điều chỉnh đơn giá nhựa đường đặc nóng 60/70 (chưa gồm thuế giá trị gia tăng), có hiệu lực từ ngày 10/06/2022 là **15.100.000** đồng/tấn;

- Ngày 29/07/2022, A và công ty Lan L đã ký phụ lục 03 để điều chỉnh đơn giá nhựa đường đặc nóng 60/70 (chưa gồm thuế giá trị gia tăng), có hiệu lực từ ngày 29/07/2022 là **16.900.000** đồng/tấn;

- Ngày 23/08/2022, A và công ty Lan L đã ký phụ lục 04 để điều chỉnh đơn giá nhựa đường đặc nóng 60/70 (chưa gồm thuế giá trị gia tăng), có hiệu lực từ ngày 23/08/2022 là **16.205.000** đồng/tấn;

- Ngày 14/12/2022, A và công ty Lan L đã ký phụ lục 05 để điều chỉnh đơn giá nhựa đường đặc nóng 60/70 (chưa gồm thuế giá trị gia tăng), có hiệu lực từ ngày 14/12/2022 là **16.350.000** đồng/tấn;

- Ngày 18/12/2022, A và công ty Lan L đã ký phụ lục 06 để điều chỉnh đơn giá nhựa đường đặc nóng 60/70 (chưa gồm thuế giá trị gia tăng), có hiệu lực từ ngày 18/12/2022 là **16.450.000** đồng/tấn;

- Ngày 20/12/2022, A và công ty Lan L đã ký phụ lục 07 để điều chỉnh đơn giá nhựa đường đặc nóng 60/70 (chưa gồm thuế giá trị gia tăng), có hiệu lực từ ngày 20/12/2022 là **16.550.000** đồng/tấn;

- Ngày 21/03/2023, A và công ty Lan L đã ký phụ lục 08 để điều chỉnh đơn giá nhũ tương CRS-1 (chưa gồm thuế giá trị gia tăng, đã gồm chi phí tưới), có hiệu lực từ ngày 21/03/2023 là **13.600.000** đồng/tấn;

- Ngày 05/04/2023, A và công ty Lan L đã ký phụ lục 09 để điều chỉnh đơn giá nhũ tương CRS-1 (chưa gồm thuế giá trị gia tăng, đã gồm chi phí tưới), có hiệu lực từ ngày 05/04/2023 là **13.100.000** đồng/tấn;

- Ngày 04/05/2023, A và công ty Lan L đã ký phụ lục 10 để điều chỉnh đơn giá nhựa đường lỏng MC-70 (chưa gồm thuế giá trị gia tăng, đã gồm chi phí tưới), có hiệu lực từ ngày 04/05/2023 là **21.300.000** đồng/tấn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng 050 và các phụ lục kèm theo, A đã giao hàng đúng với các quy định tại Hợp đồng 050 cho công ty Lan L. Đồng thời, A cũng đã xuất 14 hóa đơn liên quan đến Hợp đồng 050 để công ty Lan L thực hiện việc thanh toán, cụ thể:

(1) Ngày 19/12/2022, A đã xuất hóa đơn số 00006462 trị giá **433.798.200** đồng;

(2) Ngày 19/12/2022, A đã xuất hóa đơn số 00006504 trị giá **432.359.400** đồng;

(3) Ngày 20/12/2022, A đã xuất hóa đơn số 00006582 trị giá **452.736.900** đồng;

(4) Ngày 20/12/2022, A đã xuất hóa đơn số 00006615 trị giá **546.514.100** đồng;

(5) Ngày 28/03/2023, A đã xuất hóa đơn số 00001685 trị giá **31.864.800** đồng;

(6) Ngày 03/04/2023, A đã xuất hóa đơn số 00001859 trị giá **46.525.600** đồng;

(7) Ngày 13/04/2023, A đã xuất hóa đơn số 00002102 trị giá **25.073.400** đồng;

(8) Ngày 27/04/2023, A đã xuất hóa đơn số 00002531 trị giá **45.391.500** đồng;

(9) Ngày 08/05/2023, A đã xuất hóa đơn số 00002734 trị giá **93.954.300** đồng;

(10) Ngày 11/05/2023, A đã xuất hóa đơn số 00002830 trị giá **45.391.500** đồng;

(11) Ngày 16/05/2023, A đã xuất hóa đơn số 00002904 trị giá **55.763.400** đồng;

(12) Ngày 19/05/2023, A đã xuất hóa đơn số 00002956 trị giá **57.637.800** đồng;

(13) Ngày 31/05/2023, A đã xuất hóa đơn số 00003204 trị giá **70.290.000** đồng;

(14) Ngày 06/06/2023, A đã xuất hóa đơn số 00003324 trị giá **58.575.000** đồng.

Như vậy, tổng giá trị các hóa đơn A đã xuất là **2.395.875.900** đồng (*Hai tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm đồng*).

Thực hiện Hợp đồng 050, công ty Lan L đã thanh toán một phần Hóa đơn 00006462 cho A như sau:

- Ngày 28/04/2023, công ty Lan L đã thanh toán **32.540.540** đồng;

- Ngày 25/05/2023, công ty Lan L đã thanh toán **200.000.000** đồng;

Như vậy, công ty Lan L đã thanh toán cho A một phần Hóa đơn 00006462 là **232.540.540** đồng.

Ngày 30/09/2023, A và công ty Lan L đã ký kết Biên bản đối chiếu công nợ kèm theo Bảng kê chi tiết hóa đơn ("**Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/09/2023**"), xác nhận tổng số tiền nợ gốc của 14 hóa đơn mà công ty Lan L chưa thanh toán cho A là **2.163.335.360** đồng (*Hai tỷ một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi đồng*).

Ngày 01/02/2024, Công ty Luật TNHH LTT và Các Cộng sự ("**LTT**") là đại diện theo ủy quyền của A theo Giấy ủy quyền đề ngày 29/01/2024 đã gửi Thư yêu cầu lần thứ nhất đến trụ sở của công ty Lan L để yêu cầu công ty Lan L thanh toán khoản nợ (bao gồm cả nợ gốc và lãi chậm trả) nhưng không có nhân sự nào của công ty Lan L nhận thư.

Sau đó, ngày 20/02/2024, LTT tiếp tục gửi Thư yêu cầu lần thứ hai đến trụ sở của công ty Lan L để yêu cầu công ty Lan L thanh toán khoản nợ (bao gồm cả nợ gốc và lãi chậm trả). Tuy nhiên, A không nhận được bất kỳ phản hồi nào của công ty Lan L về việc thanh toán các khoản nợ.

Căn cứ Điều 5 Hợp đồng 050, công ty Lan L có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho A theo quy định của Hợp đồng. Trong đó, A sẽ xuất hóa đơn cho công ty Lan L vào ngày kế tiếp của ngày giao nhận hàng và công ty Lan L có trách nhiệm thanh toán cho A trong thời hạn **60 ngày** kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Thực hiện Hợp đồng 050, A đã phát hành và gửi cho công ty Lan L tổng cộng 14 hóa đơn. Theo đó, thời hạn thanh toán đối với 14 hóa đơn này như sau:

- Ngày 19/12/2022, A phát hành hóa đơn 00006462 có giá trị **433.798.200** đồng và thời hạn chậm nhất công ty Lan L phải thanh toán là ngày 17/02/2023;

- Ngày 19/12/2022, A phát hành hóa đơn 00006504 có giá trị **432.359.400** đồng và thời hạn chậm nhất công ty Lan L phải thanh toán là ngày 17/02/2023;

- Ngày 20/12/2022, A phát hành hóa đơn 00006582 có giá trị **452.736.900** đồng và thời hạn chậm nhất công ty Lan L phải thanh toán là ngày 18/02/2023;

- Ngày 20/12/2022, A phát hành hóa đơn 00006615 có giá trị **546.514.100** đồng và thời hạn chậm nhất công ty Lan L phải thanh toán là ngày 18/02/2023;

- Ngày 28/03/2023, A phát hành hóa đơn 00001685 có giá trị **31.864.800** đồng và thời hạn chậm nhất công ty Lan L phải thanh toán là ngày 27/05/2023;

- Ngày 03/04/2023, A phát hành hóa đơn 00001859 có giá trị **46.525.600** đồng và thời hạn chậm nhất công ty Lan L phải thanh toán là ngày 02/06/2023;
- Ngày 13/04/2023, A phát hành Hóa đơn 00002102 có giá trị **25.073.400** đồng và thời hạn chậm nhất công ty Lan L phải thanh toán là ngày 12/06/2023;
- Ngày 27/04/2023, A phát hành hóa đơn 00002531 có giá trị **45.391.500** đồng và thời hạn chậm nhất công ty Lan L phải thanh toán là ngày 26/06/2023;
- Ngày 08/05/2023, A phát hành hóa đơn 00002734 có giá trị **93.954.300** đồng và thời hạn chậm nhất công ty Lan L phải thanh toán là ngày 07/07/2023;
- Ngày 11/05/2023, A phát hành hóa đơn 00002830 có giá trị **45.391.500** đồng và thời hạn chậm nhất công ty Lan L phải thanh toán là ngày 10/07/2023;
- Ngày 16/05/2023, A phát hành hóa đơn 00002904 có giá trị **55.763.400** đồng và thời hạn chậm nhất công ty Lan L phải thanh toán là ngày 15/07/2023;
- Ngày 19/05/2023, A phát hành hóa đơn 00002956 có giá trị **57.637.800** đồng và thời hạn chậm nhất Lan L phải thanh toán là ngày 18/07/2023;
- Ngày 31/05/2023, A phát hành hóa đơn 00003204 có giá trị **70.290.000** đồng và thời hạn chậm nhất công ty Lan L phải thanh toán là ngày 30/07/2023;
- Ngày 06/06/2023, A phát hành hóa đơn 00003324 có giá trị **58.575.000** đồng và thời hạn chậm nhất công ty Lan L phải thanh toán là ngày 05/08/2023.

Như vậy, A đã xuất 14 hóa đơn với tổng giá trị là **2.395.875.900** đồng (*Hai tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm đồng*).

Công ty Lan L chỉ thanh toán cho A số tiền là **232.540.540** đồng. Do vậy, ngày 30/9/2023, công ty Lan L và A cùng xác nhận tại Biên bản đối chiếu công nợ rằng công ty Lan L phải thanh toán cho A khoản tiền nợ gốc là **2.163.335.360** đồng (*Hai tỷ một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi đồng*).

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, công ty Lan L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi theo quy định tại Hợp đồng 050 cho A.

- Căn cứ Hợp đồng 050 và Biên bản đối chiếu công nợ đề ngày 30/09/2023, công ty Lan L có nghĩa vụ thanh toán cho A số tiền nợ gốc theo Hợp đồng 050 là **2.163.335.360** đồng (*Hai tỷ một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi đồng*).

- Công ty Lan L có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán cho A: Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Hợp đồng 050 “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho Bên bán toàn bộ tiền gốc và lãi nợ quá hạn theo quy định của Hợp đồng*”. Thực tế, công ty Lan L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Hợp đồng. Vì vậy, công ty Lan L có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ lãi do chậm nghĩa vụ thanh toán cho A. Do đó, **A có quyền yêu cầu công ty Lan L thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán cho A.**

Mức lãi suất chậm thanh toán: Căn cứ Khoản 3 Điều 5 Hợp đồng 050, trường hợp Lan L thanh toán trễ hạn bất kỳ hóa đơn nào sẽ phải chịu lãi suất nợ quá hạn là 1,2%/tháng (tương đương với 14,4%/năm). Mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng 050 là phù hợp với quy định của pháp luật. **Như vậy, mức lãi suất chậm thanh toán được áp dụng cho công ty Lan L là 1,2%/tháng.**

Tiền lãi chậm thanh toán mà công ty Lan L phải thanh toán cho A:
Công thức tính tiền lãi chậm trả như sau: Số tiền lãi chậm thanh toán được tính bằng (=) số dư nợ tính lãi nhân (x) số ngày chậm trả trên thực tế nhân (x) lãi suất chậm trả chia (/) cho 30.

Lãi chậm thanh toán đối với Hóa đơn 00002956: công ty Lan L phải thanh toán cho A chậm nhất vào ngày 18/07/2023 và thời điểm tính lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 19/07/2023. Tổng số tiền lãi chậm thanh toán mà công ty Lan L phải thanh toán cho A tạm tính đến ngày 13/8/2025 là 755.429.274 đồng (Bảy trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng)

Từ những căn cứ trên, công ty TNHH Cung ứng nhựa đ yêu cầu công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L phải thanh toán cho A: (i) Khoản nợ gốc; (ii) Khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán khoản nợ gốc (tạm tính đến ngày 13/8/2025) là: 755.429.274 đồng (Bảy trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng).

- Khoản nợ gốc: 2.163.335.360 đồng (Hai tỷ một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi đồng);

- Khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán khoản nợ gốc (tạm tính đến ngày 13/8/2025) là: 755.429.274 đồng (Bảy trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng).

- Tổng số tiền A yêu cầu Lan L phải thanh toán cho A (tạm tính đến ngày 13/8/2025) là: 2.918.764.634 đồng (Hai tỷ chín trăm mười tám triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn sáu trăm ba mươi tư đồng).

Bị đơn- Công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L, người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Văn S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tòa án để tham gia tố tụng cũng như giao nộp tài liệu, chứng cứ, giao nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội phát biểu ý kiến :

- Về thời hiệu và thẩm quyền: Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền theo quy định;

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS, đối với bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do đã vi phạm các điều 70,72,73 của BLTTDS. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Cung ứng nhựa đ, buộc Công ty TNHH thương mại và

xây dựng Lan L phải thanh toán trả cho Công ty TNHH Cung ứng nhựa đ số tiền nợ gốc theo Hợp đồng mua bán nhựa đường/ nhũ tương nhựa đường số 050/ADC-LL/CLD ngày 17/5/2022 là 2.163.335.360 đồng (Hai tỷ một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi đồng), số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán nợ gốc (tạm tính đến ngày 13/8/2025) là: 755.429.274 đồng (Bảy trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng) (theo mức lãi suất hai bên thoả thuận trong Hợp đồng 050 là 1,2%/tháng, tương đương 14,4%/năm). Tổng số tiền là: 2.918.764.634 đồng (Hai tỷ chín trăm mười tám triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn sáu trăm ba mươi tư đồng).

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 01/7/2024, Công ty TNHH Cung ứng nhựa đ có đơn khởi kiện công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Cung ứng nhựa đ số tiền nợ gốc là: 2.163.335.360 đồng (Hai tỷ một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi đồng), số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán nợ gốc (tạm tính đến ngày 13/8/2025) là: 755.429.274 đồng (Bảy trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng), tổng số tiền là: 2.918.764.634 đồng (Hai tỷ chín trăm mười tám triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn sáu trăm ba mươi tư đồng).

Về chủ thể công ty TNHH Cung ứng nhựa đ và công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L là hai công ty có tư cách pháp nhân, có đăng ký kinh doanh hợp pháp, hoạt động vì mục đích lợi nhuận, việc hai công ty tranh chấp nêu trên Toà án xác định là vụ án kinh doanh thương mại có quan hệ tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá. Bị đơn có trụ sở tại Tầng L, toà nhà HTK số 92-94-96-98 Nguyễn Văn C, phường Bồ Đ, thành phố Hà Nội. Căn cứ quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Toà án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn - Công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L, người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Văn S: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần đến Tòa án để giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

Công ty TNHH Cung ứng nhựa đ và công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L đã ký kết hợp đồng mua bán nhựa đường/nhũ tương số 050/ADC-LL/CLD ngày 17/5/2022 để thực hiện việc mua bán nhựa đường và nhũ tương nhựa đường, được các bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch được xác lập, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Về nội dung các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Về việc thực hiện hợp đồng của các bên: Quá trình thực hiện hợp đồng và các phụ lục hợp đồng, Công ty TNHH Cung ứng nhựa đ đã giao hàng đúng quy định tại Hợp đồng, đồng thời đã xuất 14 hoá đơn liên quan đến hợp đồng để công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L thực hiện việc thanh toán. Cụ thể:

- Ngày 19/12/2022, A đã xuất hóa đơn số 00006462 trị giá **433.798.200** đồng;
- Ngày 19/12/2022, A đã xuất hóa đơn số 00006504 trị giá **432.359.400** đồng;
- Ngày 20/12/2022, A đã xuất hóa đơn số 00006582 trị giá **452.736.900** đồng;
- Ngày 20/12/2022, A đã xuất hóa đơn số 00006615 trị giá **546.514.100** đồng;
- Ngày 28/03/2023, A đã xuất hóa đơn số 00001685 trị giá **31.864.800** đồng;
- Ngày 03/04/2023, A đã xuất hóa đơn số 00001859 trị giá **46.525.600** đồng;
- Ngày 13/04/2023, A đã xuất hóa đơn số 00002102 trị giá **25.073.400** đồng;
- Ngày 27/04/2023, A đã xuất hóa đơn số 00002531 trị giá **45.391.500** đồng;
- Ngày 08/05/2023, A đã xuất hóa đơn số 00002734 trị giá **93.954.300** đồng;
- Ngày 11/05/2023, A đã xuất hóa đơn số 00002830 trị giá **45.391.500** đồng;
- Ngày 16/05/2023, A đã xuất hóa đơn số 00002904 trị giá **55.763.400** đồng;
- Ngày 19/05/2023, A đã xuất hóa đơn số 00002956 trị giá **57.637.800** đồng;

- Ngày 31/05/2023, A đã xuất hóa đơn số 00003204 trị giá **70.290.000** đồng;

- Ngày 06/06/2023, A đã xuất hóa đơn số 00003324 trị giá **58.575.000** đồng.

Tổng giá trị các hoá đơn công ty TNHH Cung ứng nhựa đ đã xuất là 2.395.875.900 đồng.

Ngày 28/04/2023, Công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L đã thanh toán **32.540.540** đồng. Ngày 25/05/2023, thanh toán tiếp **200.000.000** đồng. Như vậy, công ty Lan L đã thanh toán cho công ty TNHH cung ứng nhựa đ một phần Hóa đơn 00006462 là **232.540.540** đồng.

Ngày 30/09/2023, công ty TNHH Cung ứng nhựa đ và công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L đã ký kết Biên bản đối chiếu công nợ kèm theo Bảng kê chi tiết hóa đơn (“**Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/09/2023**”), xác nhận tổng số tiền nợ gốc của 14 hóa đơn mà công ty Lan L chưa thanh toán cho A là **2.163.335.360** đồng (*Hai tỷ một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi đồng*). Sau đó nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu công ty Lan L thanh toán khoản nợ (bao gồm cả nợ gốc và lãi chậm trả) nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi nào. Đến nay công ty Lan L vẫn chưa thanh toán số tiền nợ gốc và lãi chậm trả cho công ty TNHH Cung ứng nhựa đ. Do vậy, phía công ty TNHH Cung ứng nhựa đ đã khởi kiện tại Tòa án là có căn cứ. Việc buộc công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L phải trả số tiền nợ gốc là **2.163.335.360** đồng (*Hai tỷ một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi đồng*) cho phía nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 430; Điều 433, Điều 434 và khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu của công ty TNHH Cung ứng nhựa đ yêu cầu công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L có trách nhiệm thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán: Tại khoản 1 Điều 5 Hợp đồng “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho Bên bán toàn bộ số tiền gốc và lãi nợ quá hạn theo quy định của Hợp đồng” và khoản 3 Điều 5 Hợp đồng “Bên mua có trách nhiệm và nghĩa vụ thanh toán cho bên bán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại hợp đồng này. Bất kỳ một hoá đơn nào chưa được Bên mua thanh toán cho Bên bán trong vòng 60 ngày kể từ ngày lập hoá đơn, Bên mua sẽ phải thanh toán cho Bên bán theo mức lãi suất nợ quá hạn thời hạn tín dụng là 1,2%/tháng kể từ ngày đến hạn cho tới ngày thanh toán đầy đủ các khoản nợ và Bên bán bảo lưu quyền đơn phương ngừng cấp hàng và Bên mua có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho Bên bán toàn bộ tiền gốc và lãi nợ quá hạn theo quy định của Hợp đồng”. Mức lãi suất hai bên thoả thuận trong Hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự, yêu cầu này của Công ty TNHH Cung ứng nhựa đ có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán khoản nợ gốc (tạm tính đến ngày 13/8/2025) là: 755.429.274 đồng (Bảy trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng).

Xét lời đề nghị của đại diện VKS nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 30, 35, 39 BLTTDS năm 2015;
- Căn cứ Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 BLDS năm 2015;
- Căn cứ Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH Cung ứng nhựa đ đối với Công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán nhựa đường/nhũ tương nhựa đường số 050/ADC-LL/CLD ngày 17/5/2022.

Buộc Công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L phải thanh toán trả cho công ty TNHH Cung ứng nhựa đ số tiền 2.918.764.634 đồng (Hai tỷ chín trăm mười tám triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn sáu trăm ba mươi tư đồng), trong đó: nợ gốc là: 2.163.335.360 đồng (Hai tỷ một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi đồng), số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán nợ gốc (tạm tính đến ngày 13/8/2025) là: 755.429.274 đồng (Bảy trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Lan L phải chịu 90.375.293 đồng (*Chín mươi triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi ba đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho công ty TNHH Cung ứng nhựa đ số tiền 41.535.000 đồng (*Bốn mươi một triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0051470 ngày 21/11/2024 tại Chi cục Thi hành án

dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội).

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự
TP.Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Xuân Hương